

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 376/2025/DS-PT

Ngày: 28-7-2025

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: bà Trịnh Thị Phúc

ông Đặng Văn Nhữn

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2025/TLPT-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2025/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 288/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Lê Thị Kim N, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An).

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp B, xã H, tỉnh Đồng Tháp (Địa chỉ cũ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang).

- *Bị đơn:* bà Nguyễn Phương Q, sinh năm 1995; địa chỉ: Số G Ấp A, xã T, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ: Số G Ấp A, xã B, thành phố T, tỉnh Long An).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Huỳnh Phương L, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp H, xã B, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ: Ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Long An).

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1966; địa chỉ: Số D ấp B, phường T, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ: Số D ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Long An).

- *Người kháng cáo*: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Huỳnh Phương L.

(Tất cả các đương sự và người đại diện theo ủy quyền đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Kim N do ông Nguyễn Hữu T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do quen biết, vào ngày 18/3/2024, bà N có tham gia hội do vợ chồng bà Nguyễn Phương Q và ông Huỳnh Phương L tổ chức, thông qua hình thức trực tuyến bằng cách tạo lập nhóm hội trên mạng xã hội facebook. Để thuận tiện cho việc đóng hội và giao hội thì bà Q đại diện liên hệ với bà N. Bà N tham gia nhóm hội gồm 10 người, với nhiều nhóm khác nhau đóng theo từng ngày, tuần, tháng hoặc đóng một lần do bà Q đưa ra tới khi đủ 10 ngày, tuần hoặc tháng hợp lệ với số người trong cùng một nhóm thì tiến hành bỏ hội và giao hội.

Đầu tháng 7/2024 là thời điểm giao hội tiếp theo như thỏa thuận thì bà Q và ông L không giao hội mà đưa ra lý do bắt hội viên phải ngưng và chờ ngày hoàn trả vốn. Đến ngày 15/7/2024, bà N vẫn chưa nhận được số tiền vốn như bà Q đã hứa, nên đã đến Công an để trình báo sự việc. Cơ quan Công an có mời bà Q đến để giải quyết, bà Q viết giấy cam kết thừa nhận nợ bà N số tiền 300.000.000 đồng và hẹn đến ngày 17/7/2024 sẽ trả trước cho bà N số tiền 50.000.000 đồng, phần còn lại sẽ trả dần. Đến hạn, bà Q vẫn không trả cho bà N số tiền 50.000.000 đồng như đã hẹn. Bà N nhiều lần đến đòi bà Q, thì ông L là chồng bà Q cũng có đứng ra cam kết sẽ trả cho bà N nhưng đến nay cũng chưa thực hiện.

Nay bà N yêu cầu bà Nguyễn Phương Q cùng chồng là ông Huỳnh Phương L liên đới trả cho bà N số tiền 50.000.000 đồng đã đến hạn trả, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn, bà Nguyễn Phương Q trình bày:

Bà thừa nhận có tổ chức chơi hội trên facebook và các dây hội do bà làm chủ hội, hưởng hoa hồng khi bỏ hội và bản thân bà cũng có tham gia chơi các dây hội này. Đến tháng 7/2024, do không thể quản lý được các dây hội nên bà tuyên bố vỡ hội, dừng trả tiền hội cho các hội viên, trong đó có bà Lê Thị Kim N. Bà N nhiều lần đến gặp bà đòi tiền nhưng do không có tiền, bà và bà N thống nhất lập 01 “Bản cam kết” xác nhận số tiền hội 300.000.000 đồng mà bà còn thiếu lại bà N có chữ ký và chữ viết tên của bà. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà và ông L liên đới trả số tiền đã quá hạn cam kết trả là 50.000.000 đồng, thì bà đồng ý, vì việc bà tổ chức chơi hội trong thời gian vợ chồng chung sống, bà tổ chức chơi hội mục đích kiếm thêm thu nhập cho gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Phương L do bà Nguyễn Thị Thu H đại diện trình bày:

Do tính chất công việc, ông L không thường xuyên ở nhà nên không biết việc bà Q tổ chức chơi hội và bị vỡ hội. Quá trình vợ chồng chung sống, ông L đi làm có

thu nhập thì đều chuyển về cho bà Q lo cho gia đình, con cái đi học, nên việc bà Q cho rằng bà Q chơi hụi và sử dụng lợi nhuận từ việc chơi hụi để lo cho gia đình là không có căn cứ. Vì vậy, ông L không thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng và ông không đồng ý cùng bà Q có trách nhiệm trả tiền nợ hụi cho bà N. Đầu năm 2025, ông L đã ly hôn với bà Q.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2025/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã xử (tóm tắt):

Buộc ông Huỳnh Phương L và bà Nguyễn Phương Q trả cho bà Lê Thị Kim N số tiền 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tiền lãi do chậm thanh toán, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/3/2025, ông Huỳnh Phương L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý liên đới trả nợ hụi.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Huỳnh Phương L và bà Nguyễn Thị Thu H thống nhất trình bày: ông L không tham gia hụi. Hàng tháng, ông L đều gửi tiền lương về cho bà Q; ngoài nuôi 02 con, thì vợ chồng ông L còn sống chung nhà với bên gia đình cha mẹ, em của bà Q. Mặc dù ông L biết bà Q tham gia hụi, nhưng bà Q không chứng minh được số tiền nợ hụi được sử dụng cho mục đích chung trong gia đình của ông L và bà Q; đối với tài sản là xe ô tô do ông L mua trong thời kỳ hôn nhân với bà Q thì nguồn tiền chi trả lấy từ tiền lương của ông L chỉ có 150.000.000 đồng, còn lại chủ yếu là tiền vay của ngân hàng, nên đây là tài sản của Ngân hàng. Bà N đã thừa nhận tại thời điểm tham gia hụi thì bà N không biết ông L. Do đó, ông L không có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ hụi cho bà N.

Bà Lê Thị Kim N và ông Nguyễn Hữu T thống nhất trình bày: ông L thừa nhận có biết việc bà Q tham gia hụi. Nợ hụi phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà Q và ông L, vợ chồng ông L sử dụng tiền chung, nên đề nghị giữ y án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Phương Q trình bày: thu nhập của bà và ông L đều được sử dụng chung, nên ông L phải có nghĩa vụ trả nợ chung với bà.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của ông Huỳnh Phương L đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: bà N yêu cầu bà Q phải trả nợ là có căn cứ theo Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Bà Q đã thừa nhận mục đích tổ chức hụi là để kiếm thêm thu nhập cho gia đình, nên nếu có phát sinh nợ hụi thì đây là nợ chung. Căn cứ vào Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông L phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà Q. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phương L thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Hữu T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim N. Bà Nguyễn Thị Thu H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Phương L. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: ông Huỳnh Phương L kháng cáo không đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng bà Nguyễn Phương Q trả nợ hui cho bà Lê Thị Kim N. Các đương sự còn lại trong vụ án không có kháng cáo. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần nội dung có kháng cáo của bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[3] Hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, thể hiện các tình tiết, sự kiện sau đây không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: bà Nguyễn Phương Q đã viết và ký tên vào giấy cam kết, thừa nhận còn nợ tiền hui của bà Lê Thị Kim N số tiền 300.000.000 đồng, hẹn đến ngày 17/7/2024 sẽ trả trước số tiền 50.000.000 đồng (bút lục số 47); bà Q đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu bà Q và ông L liên đới trả số tiền 50.000.000 đồng (các bút lục số 146, 150).

Xét kháng cáo của ông Huỳnh Phương L

[4] Hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm đã thể hiện, ông L và bà N là bạn bè trên mạng xã hội facebook (bút lục số 131); bà Q xác định ông L biết việc bà Q tham gia hui (bút lục số 146); ông L đã nhắn tin trên facebook thương lượng với bà N về giảm số tiền phải trả và xin trả dần khoản nợ của bà Q (các bút lục số 129, 130).

[5] Người đại diện của ông L cho rằng, ông L đi học xa nhà và hàng tháng đều có chuyển khoản gửi tiền cho bà Q để chi tiêu sinh hoạt, nuôi con, việc bà Q mở hui và nợ hui không phục vụ cho nhu cầu chung của gia đình, nên ông L không có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, mặc dù sao kê chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng tên Huỳnh Phương L từ ngày 01/01/2023 đến ngày 10/7/2024 thể hiện ông L có chuyển tiền mỗi tháng cho bà Nguyễn Phương Q, nhưng cũng trong sao kê này đã thể hiện, bà Q cũng đã có chuyển tiền vào tài khoản của ông L. Người đại diện của ông L và ông L cũng thừa nhận rằng, ông L và bà Q không có sự phân biệt về việc sử dụng tiền thu nhập của hai đương sự trong thời kỳ hôn nhân. Bà Q trình bày có sử dụng tiền hót hui để chi tiêu trong gia đình và bà mở hui nhằm kiếm thêm thu nhập để chi tiêu chung trong gia đình.

[6] Khoản 20 Điều 3 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“20. Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình.”

[7] Khoản 1 Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình:

“1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.”

[8] Khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

“...Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

1. ...;

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;”

[9] Khoản 3 Điều 45 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ riêng về tài sản của vợ, chồng:

“Vợ, chồng có các nghĩa vụ riêng về tài sản sau đây:

1. ...;

3. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do một bên xác lập, thực hiện không vì nhu cầu của gia đình;”

[10] Từ trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì việc bà N, bà Q yêu cầu ông L cùng liên đới với bà Q trả nợ hụi cho bà N là có căn cứ, đúng các quy định tại khoản 20 Điều 3, Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37, khoản 3 Điều 45 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vì đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà Q và ông L đang còn tồn tại; mục đích bà Q tổ chức hụi, hốt hụi để có nguồn tiền bổ sung chi tiêu trong gia đình và giữa bà Q, ông L sử dụng tiền chung, không tách bạch về tài chính.

[11] Ông L kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ là không có căn cứ để được chấp nhận.

[12] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

[13] Án phí phúc thẩm: ông Huỳnh Phương L phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

[14] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Phương L.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2025/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An về phần nghĩa vụ liên đới trả nợ của ông Huỳnh Phương L: buộc bà Nguyễn Phương Q và ông Huỳnh Phương L có nghĩa vụ liên đới trả nợ hụi cho bà Lê Thị Kim N số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

4. Về án phí phúc thẩm: ông Huỳnh Phương L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001475 ngày 24/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An. Ông L đã thi hành xong án phí phúc thẩm.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Về hướng dẫn thi hành án: trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về hiệu lực của bản án: bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 1;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

